

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					5.05	4.79	4.43	4.00	3.54
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					2.05	0.79	0.43	2.00	3.54
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.72	952.71	952.71	652.67	652.65	652.70	652.70	652.70	652.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.80	0.80	0.80	0.70	0.94	0.85	0.72	0.58	0.42
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				68.95	68.95	68.94	68.93	68.93	68.93
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				10.00	9.83	8.25	7.47	8.65	9.61
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				9.50	9.50	9.50	9.50	9.50	9.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.17	37.15	37.15	37.15	37.15	37.15
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.00	0.57	0.53	0.47	0.40	0.32
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.58	60.55	60.60	60.60	60.60	60.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				1.09	1.10	1.06	1.00	0.93	0.86
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.85	24.60	24.45	24.40	24.40	24.45
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				27.92	25.68	25.34	24.89	24.59	24.06
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				55.43	45.32	30.28	22.00	22.00	22.00

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 767.07 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.70 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.23 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.82 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	972.11	m
- Lưu lượng đến hồ:	1.43	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:		m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	0.00	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	652.67	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.70	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	68.95	m
- Lưu lượng đến hồ:	10.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	37.17	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	60.58	m
- Lưu lượng đến hồ:	1.09	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.85	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa